

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN, CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỊCH VỤ THUỘC ĐỐI TƯỢNG THU
PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI NĂM 2025

TT	Tên dự án/cơ sở	Loại hình	Địa điểm thực hiện	Công suất	Cơ quan phê duyệt ĐTM	Đối tượng	Phí dự kiến
	Thị xã Kỳ Anh						
1.	Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)	Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh	7,5 triệu tấn/năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTTĐ QTĐK	Phí biến đổi
2.	Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Nhiệt điện than	Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	1.200 MW	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTTĐ	Phí biến đổi
3.	Công ty CP Nhiệt điện Vũng Áng 2 - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2		Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	1.200 MW	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTTĐ	Phí biến đổi
4.	Nhà máy sản xuất viên nén gỗ xuất khẩu An Việt Phát	Sản xuất viên nén gỗ	Lô CN10C, Khu kinh tế Vũng Áng, Phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh	150.000 tấn/năm	UBND tỉnh	QTTĐ	Phí biến đổi
5.	Nhà máy sản xuất pin Vines Vũng Áng	Sản xuất pin, ắc quy	Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	52.000 tấn Pack pin/năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTĐK; Lưu lượng lớn nhất 56.600 m ³ /giờ (GPMT)	Phí biến đổi

6.	Nhà máy sản xuất và thương mại công nghệ pin Lithium	Sản xuất pin, ắc quy	Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	5GWh/năm = 5.000.000 KWh/năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTĐK; Lưu lượng lớn nhất 85.000 m ³ /giờ (ĐTM)	Phí biến đổi
7.	Nhà máy chế biến tinh bột sắn của Chi nhánh Công ty TNHH TMDV Thành Mỹ Phát Miền Trung	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	Xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh	200 tấn/ngày, hoạt động khi có nguyên liệu			Phí biến đổi/cổ định
8.	Công ty TNHH Tân Trường Phát	Chế biến lâm sản xuất khẩu.	KCN VA1	45000 tấn dăm khô/năm; 90000 tấn dăm tươi/năm		Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường 2005	Phí biến đổi/cổ định
9.	Công ty TNHH Juan Yen	Gia công cơ khí. Cho thuê nhà xưởng 4.000m ²	KCN VA1	2500 tấn sp/năm	UBND tỉnh		Phí cố định
10.	Công ty TNHH công trình cơ khí và điều khiển Hữu Sinh	Sản xuất cấu kiện kim loại	KCN VA1	8.000 tấn/năm	UBND tỉnh		Phí cố định
11.	Công ty cổ phần Ánh Dương	Sản xuất, gia công cơ khí	KCN VA1	2.000 tấn sp/năm	UBND tỉnh		Phí cố định
12.	Công ty TNHH Goodean.	Gia công, tráng phủ, xử lý các loại thép	KCN VA1	36.000 tấn sp/năm.	UBND tỉnh		Phí cố định
13.	Công ty cổ phần Ngọc Nguyên Hà Tĩnh	Chế biến lâm sản xuất khẩu.	KCN VA1	Công suất: 20.000 m ³ /năm; viên nén gỗ:	UBND tỉnh	QTĐK	Phí biến đổi

				50.000 tấn/ năm; sản phẩm từ gỗ: 100.000 tấn khô/năm			
14.	Chi nhánh Công ty TNHH Cơ giới Thành Đô tại Hà Tĩnh.	Gia công cơ khí	KCN VA1	Sản xuất cầu kiện kim loại 1.500 tấn sp/năm; gia công cơ khí 2.000 tấn sp/năm	UBND tỉnh		Phí cố định
15.	Công ty CPĐT và PT Ngọc Long Châu	May mặc, lắp ráp đồ điện gia dụng	KCN VA1	-Công suất may mặc: 8.000.000 sản phẩm sơ mi /năm; - Sản xuất vải không dệt công suất: 400 tấn/năm; - Lắp ráp đồ điện gia dụng công suất: 1.000.000 sản phẩm/năm;	UBND tỉnh		Phí cố định
16.	Cty CP Đầu tư và Thương mại Vũng Áng	Gia công cơ khí	KCN VA1	1200 tấn sp/năm	UBND tỉnh		Phí cố định
	Huyện Kỳ Anh						
17.	Công ty TNHH MTV chế biến rác thải sinh hoạt Hoàn Sơn	Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	Xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh	500 tấn/ngày	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTTĐ	Phí biến đổi
18.	Công ty TNHH MTV Xử lý chất thải công nghiệp Hà Tĩnh	Tái chế, xử lý chất thải nguy hại; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh	1.560 tấn/ngày	Bộ Tài nguyên và Môi trường	QTTĐ	Phí biến đổi
19.	Nhà máy gạch Tuynel Thăng Long của Công ty TNHH An Thuận Phát	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Thị xã Kỳ Anh	20 triệu viên/năm			Phí cố định

20.	Nhà máy gạch Tuynel Kỳ Giang của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 1 Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Thị xã Kỳ Anh	15 triệu viên/năm			Phí cố định
21.	Nhà máy gạch Tuynel Kỳ Tiên của Công ty CP gạch ngói và VLXD Đồng Nai Hà Tĩnh Đồng Nai -Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Kỳ Anh	35 triệu viên/năm			Phí cố định
	Huyện Can Lộc						
22.	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Can Lộc của Công ty TNHH Thương mại và Xử lý môi trường Can Lộc	Xử lý CTRSH	Xứ Đồng, bến đò Bến Chăn, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc	40 tấn/ngày	UBND tỉnh	QTĐK	Phí biến đổi
23.	Nhà máy gạch Tuynel Vượng Lộc của Công ty CP Sông Đà 27	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Can Lộc	20 triệu viên/năm			Phí cố định
24.	Nhà máy gạch Tuynel Mỹ Lộc của Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ Đồng Lộc	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Can Lộc	20 triệu viên/năm			Phí cố định
25.	Nhà máy gạch Tuynel Thiên Lộc của Công ty CP Đầu tư và phát triển Vĩnh Hóa	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Can Lộc	15 triệu viên/năm			Phí cố định
	Huyện Nghi Xuân						
26.	Lò đốt rác thải Cương Gián của HTX dịch vụ môi trường Tân Phát	Xử lý CTRSH	Thôn Nam Sơn, xã Cương Gián,	16,8 tấn/ngày	Sở TNMT xác nhận Kế hoạch	QTĐK	Phí biến đổi

			huyện Nghi Xuân				
27.	Lò đốt rác thải sinh hoạt Xuân Thành của Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân	Xử lý CTRSH	Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	16 tấn/ngày	Sở TNMT xác nhận Kế hoạch	QTĐK	Phí biến đổi
28.	Nhà máy gạch Tuynel Cổ Đạm của Công ty CP Thanh Thành Đạt	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Nghi Xuân	15 triệu viên/năm			Phí cố định
29.	Công ty Cổ phần nhựa, bao bì Vinh	Sản xuất bao bì	KCN Gia Lách	100 triệu sản phẩm/năm	UBND tỉnh (GPMT)		Phí cố định
30.	Nhà máy sản xuất Formaldehyde và keo dán có địa chỉ tại lô CN1, Cụm công nghiệp Xuân Lĩnh, xã Xuân Lĩnh, huyện Nghi Xuân	Sản xuất formaldehyde và keo dán gỗ công nghiệp	CCN Xuân Lĩnh	Công suất 13.000 tấn/năm và keo UF công suất 20.000 tấn/năm.	Bộ Tài nguyên và Môi trường (GPMT)		Phí cố định
31.	Nhà máy cơ khí chính xác, phủ ván và ván sàn của Công ty Cổ phần cơ khí và thương mại Thanh Thành Đạt	Gia công cơ khí, phủ ván và ván sàn	CCN Xuân Lĩnh	2.500 tấn thành phẩm/năm; Cắt tôn công suất 10.000 tấn/năm.	UBND tỉnh		Phí cố định
32.	Công ty Cổ phần gỗ Plywood Thanh Thành Đạt	Sản xuất gỗ dán	CCN Xuân Lĩnh	Công suất của dự án: 50.000m ³ sản phẩm/năm. - Gỗ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất: 100.000 tấn/năm. - Củi, viên nén gỗ phục vụ lò đốt: Củi đốt 7.500 tấn/năm và viên nén gỗ 500 tấn/năm.	UBND tỉnh		Phí cố định
	Huyện Thạch Hà						

33.	Lò đốt rác thải sinh hoạt Thạch Trị, Thạch Lạc (lò đốt Lạc Trị) của Xã Thạch Trị, Thạch Lạc, huyện Thạch Hà	Xử lý CTRSH	Xã Thạch Trị, Thạch Lạc, huyện Thạch Hà	24 tấn/ngày	UBND tỉnh	QTĐK	Phí biến đổi
34.	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	Xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà	70 triệu lít/năm			Phí cố định
35.	Nhà máy gạch Tuynel Bình Hà của Công ty CP Việt Hà	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Thạch Hà	25 triệu viên/năm			Phí cố định
36.	Nhà máy gạch Tuynel Tân Phú của Công ty CP Sản xuất VLXD Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Thạch Hà	20 triệu viên/năm			Phí cố định
37.	Nhà máy gạch Tuynel Vĩnh Thạch của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 1 Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Thạch Hà	15 triệu viên/năm			Phí cố định
38.	Nhà máy gạch Tuynel An Lộc của Công ty TNHH Anh Đức	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Thạch Hà	15 triệu viên/năm			Phí cố định
39.	Nhà máy chế biến bột cá tại xã Thạch Kim của HTX thu mua, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản Thiên Phú.	Chế biến hải sản	Huyện Thạch Hà	Sản xuất 750 tấn bột cá/năm (tương đương 2,5 tấn/ngày);	UBND tỉnh		Phí cố định
	Huyện Hương Khê						
40.	Khu xử lý rác Hương Thủy- Hương Khê của UBND huyện Hương Khê	Xử lý CTRSH	Xã Hương Thủy, huyện Hương Khê	20,6 tấn/ngày	UBND tỉnh	QTĐK	Phí biến đổi

41.	Nhà máy gạch Tuynel Phúc Trạch của Công ty CP sản xuất VLXD Lam Hồng	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Hương Khê	10 triệu viên/năm			Phí cố định
42.	Nhà máy gạch Tuynel Phúc Đồng của Công ty TNHH MTV cao su Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Hương Khê	15 triệu viên/năm			Phí cố định
43.	Nhà máy gạch Tuynel Hương Bình của Công ty CP đầu tư An Bình	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Hương Khê	15 triệu viên/năm			Phí cố định
	Huyện Hương Sơn						
44.	Lò đốt rác thải sinh hoạt Phố Châu của HTX DV môi trường Xuân Yên	Xử lý CTRSH	Thị trấn Phố Châu-huyện Hương Sơn	14,4 tấn/ngày	Sở TNMT xác nhận Kế hoạch	QTĐK	Phí biến đổi
45.	Nhà máy gạch Tuynel Sơn Bình của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 1 Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Hương Sơn	10 triệu viên/năm			Phí cố định
46.	Nhà máy gạch Tuynel Kim Thành của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Hương Sơn	10 triệu viên/năm			Phí cố định
	Huyện Cẩm Xuyên						
47.	Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Xử lý CTRSH	Xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	200 tấn/ngày	UBND tỉnh	QTTĐ	Phí biến đổi

48.	Nhà máy gạch Tuynel Cầu Hồ 1 của Công ty cổ phần gạch ngói Cầu Hồ	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Cẩm Xuyên	25 triệu viên/năm			Phí cố định
49.	Nhà máy gạch Tuynel Cầu Hồ 2 của Công ty cổ phần gạch ngói Cầu Hồ	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Cẩm Xuyên	15 triệu viên/năm			Phí cố định
50.	Nhà máy gạch Tuynel Cẩm Minh của Công ty CP xây dựng và Đầu tư Hà Tĩnh	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Huyện Cẩm Xuyên	15 triệu viên/năm			Phí cố định
	Huyện Vũ Quang						
51.	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang	Xử lý CTRSH	Thôn Hương Phố, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang	14 tấn/ngày đêm	UBND tỉnh	QTĐK	Phí biến đổi
52.	Nhà máy sản xuất gỗ MDF, HDF, gỗ ván thanh và ván sàn tại Cụm công nghiệp Vũ Quang, xã Thọ Điền, huyện Vũ Quang	Chế biến gỗ	Xã Thọ Điền, huyện Vũ Quang	159.000m ³ /năm	UBND tỉnh (GPMT)	QTĐK; Lưu lượng lớn nhất 96.577 m ³ /giờ (ĐTM)	Phí biến đổi
53.	Trung tâm y tế huyện Vũ Quang	Đốt chất thải y tế	Thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang				Phí cố định
	Thị xã Hồng Lĩnh						

54.	Nhà máy Bia Hà Nội - Nghệ Tĩnh của Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	Phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	50 triệu lít/năm		QTĐK	Phí biến đổi
55.	Nhà máy gạch Tuynel Trung Đô của Công ty CP Trung Đô	Gạch tuynel sử dụng đất sét ruộng	Thị xã Hồng Lĩnh	15 triệu viên/năm			Phí cố định
56.	Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại CCN Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	Sản xuất sợi OE	Thị xã Hồng Lĩnh	Công suất 18.720 tấn/năm			Phí cố định